

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:
01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-02-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Vũ Biên Cương.
2. Bà Bùi Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 07-02-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Quang D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 103A, thôn K, xã H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Đỗ Thị Kiều Mộng Thu, sinh năm 1994.

HKTT: Số 103A, thôn K, xã H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2017, các lời khai của anh Nguyễn Quang D và tại phiên tòa sơ thẩm anh D trình bày: Vào năm 2013 anh D và chị T có tổ chức lễ cưới và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Trong quan hệ hôn nhân có 01 con chung tên là

Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh ngày 29-3-2014 (hiện cháu Thiên B đang sống chung với chị T).

Từ ngày sống chung với nhau thì có hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm đến tháng 3 năm 2017 thì anh D và chị T ly thân, chị T về nhà cha mẹ ruột thuộc ấp C, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm đã bị rạn nứt không thể hàn gắn lại được có sống chung cũng không còn hạnh phúc.

Nay anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với chị T:

- Về hôn nhân: Anh D yêu cầu ly hôn với chị Đỗ Thị Kiều Mộng T.

- Về con chung: Anh D cho rằng hiện tại anh đang sống chung với gia đình cha mẹ ruột tại xã H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với làm nghề trồng rau và hàng ngày anh thu mua các loại rau, củ, quả của các hộ nông dân tại địa phương sau đó đem đến giao bán lại cho khách hàng tại các chợ đầu mối thuộc TP. Hồ Chí Minh với thu nhập có khi lợi nhuận từ 20-30 triệu đồng/tháng và cũng có khi thiệt hại 9-10 triệu đồng/tháng.

Ngày 24-01-2018 anh D cung cấp tài liệu, chứng cứ (bằng đường bưu điện) gồm: 01 hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bên cho thuê là bà MAJI và chồng là ông Lương Hoàng Long với bên thuê là ông Nguyễn Thế C (cha anh D) được Văn phòng công chứng Nguyễn Đức Tuấn chứng thực vào ngày 25-10-2017; 01 hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bên cho thuê là anh Nguyễn Nhật Sơn và chị Nguyễn Thị Bích Liên với bên thuê là anh Nguyễn Quang D được Ủy ban nhân dân xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng chứng thực vào ngày 12-12-2017 (tất cả bản chính) và 07 tờ chứng từ ghi những thông số giao bán hàng rau, củ, quả với phía sau tờ chứng từ (bút lục số 55) được xác nhận của Trưởng thôn K là ông K'Hùng với nội dung: *"Anh Nguyễn Quang D có bán hàng và thu nhập như trên đây là đúng sự thật"* nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương (đóng dấu xác nhận).

Qua các tài liệu, chứng cứ nêu trên anh D cho là đủ điều kiện nuôi con chung nên anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T nghĩa vụ cấp dưỡng. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh D có ý kiến nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết giao con chung cho chị T nuôi dưỡng thì anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày 08-02-2018 cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng Thiên B đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo các lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm chị Đỗ Thị Kiều Mộng T trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của anh D, vào năm 2013 chị T và anh D tổ chức lễ cưới và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Trong quan hệ hôn nhân có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh ngày 29-3-2014 (hiện cháu Thiên B đang sống chung với chị T). Nay

anh D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết thì chị có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị T đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Quang D.
- Về con chung: Chị T khai hiện tại chị đang sống chung với gia đình cha mẹ ruột tại ấp C, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và chị làm nghề là nhân viên bán hàng của Công ty TNHH trang trí nội thất Hân Trường Phát địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp với thu nhập ổn định hàng tháng là 5.700.000đồng. Đồng thời từ khi ly thân vào tháng 3 năm 2017 cho đến nay chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thiên B và cháu vẫn phát triển khỏe mạnh bình thường.

Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng nếu anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng thì chị đồng ý nhận. Còn trong trường hợp Tòa án giải quyết giao con chung cho anh D nuôi dưỡng thì chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày 08-02-2018 cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng Thiên B đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết,
- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

- + Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh D và chị T.
- + Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh D cho cháu Nguyễn Hoàng Thiên B mỗi tháng là 3.000.000đồng.

- + Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2013, anh Nguyễn Quang D và chị Đỗ Thị Kiều Mộng T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, hôn nhân giữa anh D và chị T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh D và chị T đều xác nhận trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, nên anh D và chị T đã ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Đồng thời tại phiên hòa giải ngày 11-12-2017 và tại phiên tòa sơ thẩm anh D và chị T thống nhất ly hôn. Nên xét thấy, hôn nhân giữa anh D và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, có sống chung cũng không hạnh phúc, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh D và chị T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Quang D và chị Đỗ Thị Kiều Mộng T có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh ngày 29-3-2014 (hiện cháu Thiên B đang sống chung với chị T).

Qua các tài liệu, chứng cứ nêu trên xét thấy, cháu Thiên B đang khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị T đã trực tiếp nuôi con từ khi ly thân là vào tháng 3 năm 2017 cho đến nay, điều kiện nuôi con của hai bên đều tốt và ngang nhau. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung nên cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên giao con chung tên là Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh ngày 29-3-2014 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh D tự nguyện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và chị T đồng ý do đó Hội đồng xét xử xét thấy ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Quang D cho cháu Nguyễn Hoàng Thiên B mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày 08-02-2018 cho đến khi cháu Thiên B đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh D phải chịu 600.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (gồm 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình và

300.000đồng án phí cấp dưỡng), chị T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các điều 9, 55, 81, 82, 83, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quang D và chị Đỗ Thị Kiều Mộng T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Đỗ Thị Kiều Mộng T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh ngày 29-3-2014 (hiện cháu Thiên B đang sống chung với chị T). Anh Nguyễn Quang D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Quang D đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên là Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh ngày 29-3-2014 mỗi tháng 3.000.000đồng, kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2018 đến khi cháu Nguyễn Hoàng Thiên B đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Quang D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 600.000đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BN/2013. 03553 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, anh Nguyễn Quang D còn phải nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị Kiều Mộng T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 07-02-2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã H, huyện Đức Trọng,
tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Cư